

Đơn vị: Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai
Chương: 435

**DỰ TOÁN BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /3/2026 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0	0
-	KP phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp khác						

Số TT	Nội dung	Tổng số bổ sung	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	Trung tâm Dịch vụ việc làm
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						